

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/HS-ST

Ngày: 23- 10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Du.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Ngọc và ông A Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thư ký TAND thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/TLST – HS ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: A T; sinh ngày: 10/5/1996; Nơi sinh: Thành phố K, tỉnh KonTum; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh KonTum; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông A H; sinh năm: 1970 và Bà Y K; sinh năm: 1971; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: A N; sinh ngày: 04/ 5/2000; Nơi sinh: Thành phố K, tỉnh KonTum; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh KonTum; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Bana; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông A N1; sinh năm: 1968 và Bà Y H; sinh năm: 1972; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/5/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Nguyễn Đình Minh T(tên gọi khác Big); sinh ngày: 24/3/1999; Nơi sinh: Thành phố K tỉnh KonTum; Nơi đăng ký HKTT: Số 01 Nguyễn Huy L, phường T, thành phố K, tỉnh KonTum.

Nơi ở hiện nay: 67 H, phường Th, thành phố KonTum; nghề nghiệp: thợ xăm; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đạo V; sinh năm: 1959 và bà Trần Thị Ngọc M , sinh năm 1969; có vợ là Nguyễn Thị Thu T; sinh năm: 1999, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2019 cho đến nay về hành vi “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:Chị Trần Thị Th; sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có đơn xin vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Đình Minh T1– sinh năm 1991

Trú tại: Số 01 Nguyễn Huy L, phường T, thành phố K tỉnh KonTum.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 29/5/2019 A T mượn xe của A T2 01 chiếc xe mô tô (không rõ biển kiểm soát) đưa cho A N điều khiển và rủ A N đi trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà chị Trần Thị Th ở thôn Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum, thấy cửa mở nhưng không thấy ai trong nhà nên A N dừng xe đứng ngoài cánh giới còn A T đi vào bên trong nhà chị Th lấy trộm một chiếc Tivi hiệu SamSung màu đen 32inh. Sau đó A N điều khiển xe chở A T mang chiếc tivi vừa trộm cắp được đi cất giấu bên lề đường trong thôn Thôn K, phường Th, thành phố K. Sau khi giấu chiếc tivi, A N tiếp tục chở A T đến nhà trọ của Nguyễn Đình Minh T ở 67 H, phường Th, thành phố K để bán chiếc tivi. A T hỏi T “Có mua tivi không?” T hỏi lại “ở đâu” ,A T trả lời “ Của em với A N vừa mới lấy trộm được và muốn bán với giá 800.000 đồng”, T đồng ý mua, nhưng chỉ có 300.000đồng tiền mặt, còn 500.000 đồng đổi bằng ma túy, (số ma túy T mua để sử dụng nhưng chưa sử dụng) A T đồng ý. Sau đó A N và A T trở lại nơi cất giấu chiếc tivi ở Thôn K, phường Th, thành phố K, một lúc sau thì Nguyễn Tấn Th điều khiển xe ô tô (Không rõ biển kiểm soát) chở T đến, A bung chiếc tivi trộm cắp được đặt vào trong xe ô tô của Th, còn T đưa cho A T 300.000 đồng và vút 01 gói ma túy xuống đất. Sau đó Th chở Tuấn về phòng trọ của T rồi đi về. T cất chiếc tivi trong phòng trọ của T. Đến tối cùng ngày có Nguyễn Đình Minh T1 là anh trai của T ghé chơi, T nói mới mua tivi và gửi T mang về nhà T để hôm sau cho vợ T lấy dùng. Còn A T và A N lấy gói ma túy cùng nhau sử dụng và tiêu sài chung số tiền 300.000đồng. Đến ngày 31/5/2019 A T và A N bị bắt tạm giam, Nguyễn Đình Minh T1 đã giao lại chiếc tivi cho Cơ quan điều tra công an thành phố K.

Tại kết luận định giá tài sản số: 44/ĐG-TS, ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố KonTum kết luận: 01 chiếc tivi hiệu SamSung 32inh là 4.640.000đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo A T và A N về tội “ Trộm cắp tài sản” ,bị cáo Nguyễn Đình Minh T về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, như nội dung Bản cáo trạng số 74/CT-VKSTPKT ngày 25 tháng 9 năm 2019 của VKSND thành phố KonTum đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s,h,i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo A mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Xử phạt bị cáo A N mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 điểm s,h khoản 1 Điều 51 Điều 38của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Minh T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có. Bị cáo A T và bị cáo A N phải nộp để sung quỹ

Nhà nước.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng, các bị cáo không bị ép cung, mớm cung hay bị dùng nhục hình bắt phải khai nhận tội và không có tranh luận gì mong HĐXX giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc tivi là vật chứng của vụ án và đã trả lại cho Chị Trần Thị Th, chị Th đã nhận lại và không có yêu cầu gì về bồi thường.

Các Bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K, tỉnh KonTum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tỉnh KonTum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ kết tội: Vào khoảng 17 giờ ngày 29/5/2019, tại nhà chị Trần Thị Th thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum, A T lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút vào nhà chị Th trộm cắp chiếc tivi hiệu SamSung 32inch, còn A N đi cùng và đứng bên ngoài cảnh giới, sau đó cùng nhau đem bán cho Nguyễn Đình Minh T, với mục đích có tiền tiêu sài. Nguyễn Đình Minh T biết chiếc tivi này do A T và A N trộm cắp, tuy không hứa hẹn trước nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua, mục đích là để dùng cho gia đình. Kết luận định giá trong tụng hình sự chiếc tivi này là: 4.640.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Lời khai của các bị cáo A T, A N, Nguyễn Đình Minh T tại phiên tòa phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại, biên bản giao nhận vật chứng, kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại Viện kiểm sát, phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Ba bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra đủ cơ sở kết luận: Hành vi của A T và A N đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, hành vi của Nguyễn Đình Minh T đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số 74/CT-VKSTPKT ngày 25 tháng 9 năm 2019 của VKSND thành phố K truy tố ba bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm trực tiếp đến khách thể thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật hình sự, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đối với hành vi của bị cáo A T và A N xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, hành vi của bị cáo T xâm phạm đến

trật tự công cộng, do đó cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Bị cáo A T và A thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản có tính chất đồng phạm giản đơn, trước trong và khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc tính toán, phân công nhiệm vụ, bị cáo A T là người khởi xướng và thực hành. Bị cáo A N khi A T rủ đi trộm cắp thì đồng ý ngay, trực tiếp điều khiển xe mô tô, đứng canh chừng cảnh giới cho T thực hiện hành vi trộm cắp, sau đó cả hai cùng đi tiêu thụ tài sản và dùng chung số ma túy và tiền do bán tài sản trộm cắp được. HĐXX đánh giá bị cáo A T có vai trò cao hơn bị cáo A N trong đồng phạm.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo T đã bị xét xử về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng bảo đảm tính nghiêm minh nên không cho bị cáo hưởng tình tiết “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều là thanh niên có sức khỏe để lao động lương thiện nhưng ăn chơi sa đà mắc vào tệ nạn ma túy dẫn đến hành vi phạm tội. Tệ nạn ma túy và tội phạm liên quan đến ma túy ngày càng tăng, ảnh hưởng rất lớn đến an ninh trật tự và môi trường sống an toàn, lành mạnh của xã hội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo A T, A N để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Đình Minh T đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 165/HSST-QĐTG ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên HĐXX không ra Quyết định tạm giam đối với bị cáo.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về tổng hợp hình phạt : Bản án số 64/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Minh Tuấn 13 (Mười ba) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, quyết định tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Tuấn sẽ được thực hiện khi các bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra công an thành phố K đã trả lại cho chị Trần Thị Th là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị Th không có yêu cầu về bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không đề cập.

[8] Về biện pháp tư pháp: Các bị cáo thỏa thuận mua bán chiếc tivi giá 800.000đồng, nhưng thực nhận số tiền 300.000đồng, đây là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước, A T và A N tiêu sài chung nên mỗi bị cáo phải nộp

150.000đồng. Gói ma túy các bị cáo đã sử dụng hết nên không thu hồi được để tịch thu tiêu hủy.

[9] Những vấn đề khác:

- Hành vi đưa ma túy của bị cáo Nguyễn Đình Minh T cho A T và N đã được xử lý bằng vụ án hình sự khác, nên không đề cập trong vụ án này.

- Đối với Nguyễn Đình Minh T do không biết chiếc tivi là tài sản trộm cắp T mua, và được T gửi đem về nhà, nên cơ quan điều tra không xử lý về hành vi “Chứa chấp tài sản do phạm tội mà có” là đúng quy định của pháp luật.

- A T1 và chiếc xe mô tô A T mượn của A T1, Nguyễn Tấn Th và chiếc xe ô tô Th chở T đi lấy tivi chưa xác định được, cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau là đảm bảo đúng quy định của pháp luật

[10] Về án phí: Bị cáo A T, A N, Nguyễn Đình Minh T mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo A T và A N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Đình Minh T (tên gọi khác: Big) phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s,i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A T : 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 31/5/2019.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s,i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A N : 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 31/5/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo A T, A N để bảo đảm thi hành án.

- Áp dụng : Khoản 1 Điều 323 ; Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Minh T: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với ba bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu số tiền 300.000 đồng do phạm tội mà có. Bị cáo A T và bị cáo A N mỗi bị cáo phải nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo A T, A N, Nguyễn Đình Minh T mỗi bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/10/2019).

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum
- VKSND tp K
- Cơ quan điều tra Công an tp K
- Chi cục THA DS tp K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Du